TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-PT

Ngày 19 /3 /2018

V/v: "Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán và ông Hoàng Hữu Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên Trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 tranh chấp về "Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con"

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX PT - HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Ngọc T - Sinh năm 1988.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Công chức

Trú tại : Thôn P, xã P, huyện X, tỉnh Lào Cai

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Lê Thị N - Sinh năm 1985.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Giáo viên

Trú tại: Đội 3, xã Q, huyện X, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

Do có kháng nghị số 10/QĐKNPT –VKS –DS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Phan Ngọc T trình bày:

Anh T và chị N kết hôn với nhau từ năm 2010, đến năm 2013 anh, chị ly hôn, sau khi ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai đã giao cháu Phan Tâm Nh - sinh ngày 03/01/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh cho đến khi cháu Nh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/ tháng.

Trước đây khi thỏa thuận về mức cấp dưỡng, khi đó lương của anh T được khoảng 7.000.000 đồng/ tháng nên anh T hoàn toàn có đủ khả năng để cấp dưỡng cho cháu Nh với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Nhưng đến nay, anh T đã lập gia đình riêng, anh T phải chăm lo cho gia đình. Ngoài ra anh T còn vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh X, tỉnh Lào Cai với số tiền là 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 25 tháng và anh T còn đang theo học tại Khoa Quản lý Nhà nước của Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội hệ vừa học vừa làm. Mặt khác, mức lương hiện nay của anh T chỉ còn 5.553.000 đồng/tháng. Chính vì vậy, mức cấp dưỡng như trên vượt quá khả năng của anh T, anh T không có đủ khả năng để cấp dưỡng cho cháu Nh với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án giải quyết xem xét chấp nhận yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T xuống còn 1.000.000 đồng/tháng.

Lời khai của bị đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị N nhất trí với lời trình bầy của anh T về việc anh chị đã thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung và cũng đã được Tòa án nhân dân huyện X công nhận tại quyết định số 15/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2013 là 2.000.000 đồng/tháng. Kể từ khi nhận được quyết định của Tòa án đến nay, anh T không thường xuyên thực hiện đúng trách nhiệm cấp dưỡng của mình, có tháng anh gửi cho con, có tháng không. Đến nay anh T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung xuống mức 1.000.000 đồng/ tháng, chị N không đồng ý với mức cấp dưỡng đó vì mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng là do anh T tự nguyện nhận khi vợ chồng ly hôn chứ chị không ép buộc anh T. Cháu Nh càng ngày càng lớn, ngoài các khoản đóng học phí, tiền trang chải cho sinh hoạt, mua sắm quần áo, sách vở, tiền ăn uống , chưa kể các nhu cầu khác của cháu Nh trong bản tự khai chị N đã khai thì hiện tại chị N còn đang đóng gói bảo hiểm cho cháu Nh với mức đóng là 12.000.000 đồng/năm. Ngoài ra chị N còn có mẹ già cần chăm sóc, nên chị không thể tự trang trải cho cháu với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng Nh anh T đã đề nghị. Vì vậy, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là chị không nhất trí với mức cấp dưỡng cho cháu Nh là 1.000.000 đồng/tháng. Chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ –ST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã xét xử: Áp dụng Điều 115; khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Ngọc T.

Về mức cấp dưỡng: Anh Phan Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Phan Tâm Nh - sinh ngày 03/01/2011 là 1.200.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Nh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/01/2018 Viện kiểm sát nhân huyện X có quyết định kháng nghị số 10/QĐ KNPT –VKS –DS ngày 10/01/2018 với nội dung: Cấp sơ thẩm không ra thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí và bản án không tuyên cho anh T phải chịu án phí là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện X sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và áp dụng điều luật theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13/10/2017 anh Phan Ngọc T – Trú tại: Thôn P, xã P, huyện X, tỉnh Lào Cai có đơn đề nghị giải quyết về việc " Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng" và được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu khởi kiện "Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng" của anh Phan Ngọc T phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã không ra thông báo cho anh T biết để làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí để làm căn cứ để Tòa án thụ lý giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành. Tại phiên tòa các đương sự cũng không thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giảm mức cấp dưỡng từ 2.000.000đ/tháng xuống còn

1.000.000đ/tháng, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Phan Tâm Nh - sinh ngày 03/01/2011 là 1.200.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Nh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Trong trường hợp này anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí Tòa án.

Việc Tòa cấp sơ thẩm đã không thông báo cho anh T nộp tiền tạm ứng án phí và bản án không tuyên cho anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Lẽ ra phải hủy bản án để thực hiện lại thủ tục tố tụng dân sự để yêu cầu đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phù hợp, đúng pháp luật, các bên đương sự không kháng cáo. Để ổn định bản án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà quyết định buộc anh Phan Ngọc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật về án phí,lệ phí Tòa án tại bản án phúc thẩm. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện X là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về việc áp dụng pháp luật: Vụ án này là tranh chấp: Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con. Vì vậy người cấp dưỡng là cha (mẹ), người được cấp dưỡng trong vụ án là con chưa thành niên. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 115 Luật hôn nhân gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn để giải quyết là không đúng. Mà trong trường hợp này phải áp dụng Điều 110 Luật hôn nhân gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con mới chính xác.

Từ những phân tích trên thấy, cần chấp nhận kháng nghị số 10/QĐKNPT – VKS –DS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai. Cần xét xử phúc thẩm theo hướng Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và áp dụng điều luật. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

1.Chấp nhận kháng nghị số 10/QĐKNPT –VKS –DS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai. Sửa bản án sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ –ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lào Cai về phần án phí cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Phan Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lào Cai.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS Huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu HS -TA-VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lương